

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2020

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.

Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1991.**

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã H, huyện H, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn: Anh Lê Thanh S, sinh năm: 1992.**

Địa chỉ: Thôn T, ấp A, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(chị H và anh S vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ, chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: **Chị** và anh **S** tự nguyện thương yêu nhau và chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 25/3/2017.

**Quá trình** chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh S có quen biết người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con nên anh chị đã **ly thân 02 năm**. **Hôn nhân không phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.**

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Lê Nguyễn Bảo D**, sinh ngày **05/8/2017**. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **D** và không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời chị có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**- Tại bản tự khai đề ngày 31/3/2020, anh Lê Thanh S trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị **H** tự nguyện thương yêu nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm **2017**.

Quá trình chung sống vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân được 01 năm, nay chị H xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Lê Nguyễn Bảo Duy**, sinh ngày **05/8/2017**. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Duy** và không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị H được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh S, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn T, ấp A, xã B, huyện Trảng Bom, Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị H và anh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã H, huyện V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 25/3/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H và S đều trình bày quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân, nay anh chị đồng ý ly hôn, như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có một con chung là cháu **Lê Nguyễn Bảo D, sinh ngày 05/8/2017**, từ khi sinh cháu cho đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H hiện nay đang làm việc tại công ty với mức lương 10.000.000 đồng/tháng và anh S cũng đồng ý giao cháu D cho chị H nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” với anh Lê Thanh S.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Thanh S.

Về con chung: Giao cháu **Lê Nguyễn Bảo D, sinh ngày 05/8/2017** cho chị Nguyễn Thị Thanh H nuôi dưỡng, tạm thời anh Lê Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Thanh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006995 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị H**